

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ TÂN CHÂU  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 343/2017/HNGĐ-ST  
Ngày: 17 - 10 - 2017  
“V/v tranh chấp về ly hôn, về nuôi con  
giữa bà N và ông S”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Thúy

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Phạm Thế Phương

Bà Võ Thị Lan

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Minh Sang là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang:*** Ông Nguyễn Bảo Thịnh, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 10 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 217/2017/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2017 về việc “Tranh chấp về ly hôn, về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 284/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Tạ Thị N, sinh năm 1986. Nơi cư trú: Tổ 08, ấp Phú Bình, xã Phú Vĩnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Tạm trú: số 194, tổ 08, ấp Long Hậu, xã Phú Long, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

**- Bị đơn:** Anh Phan Văn S, sinh năm 1981. Nơi cư trú: Tổ 08, ấp Phú Bình, xã Phú Vĩnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa, chị Tạ Thị N có mặt, anh Phan Văn S vắng mặt lần thứ hai không rõ lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1. Theo đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 21 tháng 6 năm 2017, trong quá trình xét xử nguyên đơn là chị Tạ Thị N trình bày:

- *Về hôn nhân*: Chị Tạ Thị N với anh Phan Văn S tự tìm hiểu trước, sau đó được cha mẹ hai bên đồng ý nên tiến hành tổ chức lễ cưới vào năm 2001, có đăng ký kết hôn trễ hạn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Vĩnh, thị xã Tân Châu, giấy chứng nhận kết hôn số: 34/2013, quyển số: 1/2013 cấp ngày 25 tháng 4 năm 2013. Quá trình sống chung có hạnh phúc đến cuối năm 2012 thì mới xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh S không lo làm ăn, chỉ lo ăn chơi cờ bạc, gây nợ nần, không quan tâm chăm sóc đến đời sống vợ con, chị đã nhiều lần khuyên can nhưng anh S tẻnh nào tẻnh nấy, không sửa đổi. Từ tháng 02 năm 2016 cho đến nay mới xảy ra mâu thuẫn nghiêm trọng, nguyên nhân do anh S lấy hết 11 chỉ vàng 24kara đem đi cờ bạc, bỏ mặc cho các con đói khổ và bỏ nhà đi từ đó cho đến nay. Từ nguyên nhân đó mà chị không còn tình cảm vợ chồng với anh S nên chị Tạ Thị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phan Văn S.

- *Về con chung*: Chị Tạ Thị N với anh Phan Văn S có được 03 đứa con chung tên Phan Văn Hoàng, sinh ngày 02 tháng 5 năm 2003, Phan Hoàng Phúc, sinh ngày 09 tháng 4 năm 2013 và Phan Thị Phương Nghi, sinh ngày 04 tháng 02 năm 2015, khi ly hôn chị N yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi 03 đứa con chung, không yêu cầu anh Phan Văn S cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Chị Tạ Thị N với anh Phan Văn S đã tự phân chia xong nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Chị Tạ Thị N xác định, chị không có nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Theo biên bản hòa giải ngày 26 tháng 7 năm 2017, bị đơn là anh Phan Văn S trình bày:

Về hôn nhân: Anh Phan Văn S thống nhất theo lời trình bày của chị Tạ Thị N về điều kiện kết hôn, về thời gian sống chung, về mâu thuẫn vợ chồng. Anh S xác định, anh với chị N không còn sống chung từ đầu năm 2016 cho đến nay nhưng anh vẫn còn thương chị N nên anh không đồng ý ly hôn, anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được đoàn tụ về sống chung với chị Tạ Thị N.

Về con chung: Anh Phan Văn S đồng ý giao 03 đứa con chung tên Phan Văn Hoàng, sinh ngày 02 tháng 5 năm 2003, Phan Hoàng Phúc, sinh ngày 09 tháng 4 năm 2013 và Phan Thị Phương Nghi, sinh ngày 04 tháng 02 năm 2015 cho chị Tạ Thị N được quyền tiếp tục nuôi dưỡng, anh không đồng ý cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh Phan Văn S xác định, anh với chị Tạ Thị N không có tài sản chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh Phan Văn S xác định, không có nợ chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng theo quy định tại các Điều 48, Điều 49, Điều 51, Điều 203, Điều 234, Điều 235 và Điều 239 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc chấp hành pháp luật: Các đương sự đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, Điều 71 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về hướng giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận, Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu nhận định:

#### **[1] Về tố tụng:**

Chị Tạ Thị N khởi kiện anh Phan Văn S về việc “Tranh chấp về ly hôn, về nuôi con” đây là tranh chấp được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Bị đơn là anh Phan Văn S có địa chỉ cư trú tại tổ 08, ấp Phú Bình, xã Phú Vĩnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tòa án đã triệu tập anh Phan Văn S nhiều lần nhưng anh S vẫn vắng mặt không rõ lý do, không vì sự kiện bất khả kháng. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt anh Phan Văn S.

#### **[2] Về hôn nhân:**

Chị Tạ Thị N với anh Phan Văn S có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, giấy chứng nhận kết hôn số: 34/2013,

quyền số: 1/2013 do Ủy ban nhân dân xã Phú Vĩnh cấp ngày 25 tháng 4 năm 2013 nên được xem là hôn nhân hợp pháp.

Xét về tình trạng hôn nhân: Giữa chị Tạ Thị N với anh Phan Văn S thấy rằng, anh S không lo làm ăn, chỉ lo ăn chơi cờ bạc, bỏ mặc cho chị N bươn chải vất vả để nuôi con. Mặt khác, chị N với anh S không còn sống chung từ tháng 02 năm 2016 cho đến nay nên tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Tạ Thị N yêu cầu được ly hôn với anh Phan Văn S là có căn cứ chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên và theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tạ Thị N về việc “Tranh chấp về ly hôn, về nuôi con” với anh Phan Văn S. Do đó, chị Tạ Thị N được ly hôn với anh Phan Văn S.

[3] *Về nuôi con chung*: Chị Tạ Thị N với anh Phan Văn S có 03 đứa con chung tên Phan Văn Hoàng, sinh ngày 02 tháng 5 năm 2003, Phan Hoàng Phúc, sinh ngày 09 tháng 4 năm 2013 và Phan Thị Phương Nghi, sinh ngày 04 tháng 02 năm 2015. Chị Tạ Thị N yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng 03 đứa con chung, chị không yêu cầu anh Phan Văn S cấp dưỡng nuôi con. Anh Phan Văn S đồng ý giao 03 đứa con chung cho chị Tạ Thị N được quyền tiếp tục nuôi dưỡng, anh không đồng ý cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, sự thỏa thuận nuôi con giữa chị Tạ Thị N với anh Phan Văn S không trái với quy định của pháp luật và cũng không trái với đạo đức xã hội, còn phù hợp theo nguyện vọng của cháu Phan Văn Hoàng, Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên và theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, quyết định:

Giao cháu Phan Văn Hoàng, sinh ngày 02 tháng 5 năm 2003, Phan Hoàng Phúc, sinh ngày 09 tháng 4 năm 2013 và Phan Thị Phương Nghi, sinh ngày 04 tháng 02 năm 2015 cho chị Tạ Thị N được quyền tiếp tục nuôi dưỡng.

“Chị Tạ Thị N phải tạo mọi điều kiện thuận lợi cho anh Phan Văn S trong việc đến thăm nom con, không ai được quyền ngăn cản quyền này; Việc nuôi con không cố định, vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con”.

[4] *Về tài sản chung*: Chị Tạ Thị N xác định, chị với anh Phan Văn S không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về nợ chung*: Chị Tạ Thị N xác định không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về án phí*: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Nguyên đơn chị Tạ Thị N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số: 0012354 ngày 27 tháng 6 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tạ Thị N về việc “Tranh chấp về ly hôn, về nuôi con” với anh Phan Văn S.

1. *Về hôn nhân*: Chị Tạ Thị N được ly hôn với anh Phan Văn S.

2. *Về nuôi con chung*: Giao cháu Phan Văn Hoàng, sinh ngày 02 tháng 5 năm 2003, cháu Phan Hoàng Phúc, sinh ngày 09 tháng 4 năm 2013 và cháu Phan Thị Phương Nghi, sinh ngày 04 tháng 02 năm 2015 cho chị Tạ Thị N được quyền tiếp tục nuôi dưỡng. “Chị Tạ Thị N phải tạo mọi điều kiện thuận lợi cho anh Phan Văn S trong việc đến thăm nom con, không ai được quyền ngăn cản quyền này; Việc nuôi con không cố định, vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con”.

3. *Về tài sản chung*: Không có

4. *Nợ chung*: Không có

5. *Về án phí*: Nguyên đơn chị Tạ Thị N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số: 0012354 ngày 27 tháng 6 năm 2017 của chi cục thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

6. Chị Tạ Thị N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng anh Phan Văn S được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND thị xã Tân Châu;
- CC.THADS thị xã Tân Châu;
- UBND xã Phú Vĩnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Thị Thúy**